

Số: 03 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 01 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Kè chống sạt lở bờ Nam sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi  
(đoạn từ bến Tam Thương đến thôn 1 xã Nghĩa Dũng)**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

<b>CV ĐẾN</b>	Số: 53	<b>CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI</b>
	Ngày: 07.01.15	
	Chuyên: Căn cứ	

Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính Quy định Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 04/05/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Dự án: Kè chống sạt lở bờ Nam sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ Bến Tam Thương đến thôn 1 xã Nghĩa Dũng);

Căn cứ Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án: Kè chống sạt lở bờ Nam sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ Bến Tam Thương đến thôn 1 xã Nghĩa Dũng);

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 05/04/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án: Kè chống sạt lở bờ Nam sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ Bến Tam Thương đến thôn 1 xã Nghĩa Dũng);

Xét Công văn số 3163/UBND ngày 02/10/2014 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc đề nghị thẩm tra và trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Kè chống sạt lở bờ Nam sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ Bến Tam Thương đến thôn 1 xã Nghĩa Dũng); đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 215/BC-STC-ĐT ngày 27/12/2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:**

- Tên dự án: Kè chống sạt lở bờ Nam sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ Bến Tam Thương đến thôn 1 xã Nghĩa Dũng);
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi;
- Địa điểm xây dựng: xã Nghĩa Dũng, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi;
- Thời gian khởi công - hoàn thành: (7/2011 - 7/2013).

#### **Điều 2. Kết quả đầu tư**

##### **1. Nguồn vốn đầu tư**

Đơn vị: đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Phải thanh toán tiếp
<b>Tổng cộng</b>	<b>101.169.666.301</b>	<b>99.876.896.301</b>	<b>1.292.770.000</b>
- Vốn Ngân sách TW	92.137.666.301	90.844.896.301	1.292.770.000
- Vốn Ngân sách tỉnh	1.032.000.000	1.032.000.000	0
- Vốn NS thành phố	8.000.000.000	8.000.000.000	0

##### **2. Chi phí đầu tư**

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>111.681.000.000</b>	<b>101.169.666.301</b>
- Xây dựng	90.797.943.411	82.472.733.000
- Chi phí QLDA	1.285.033.471	1.285.033.000
- Chi phí Tư vấn	3.571.580.690	3.142.605.000
- Chi phí khác	2.087.496.477	1.113.839.000
- Chi phí ĐB GPMB	13.773.971.838	13.155.456.301
- Dự phòng chi	164.974.113	0

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)

3. Chi phí đầu tư thiệt hại được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>101.169.666.301</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tài sản cố định	101.169.666.301	0	0	0

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>101.169.666.301</b>	
- Vốn Ngân sách TW	92.137.666.301	
- Vốn Ngân sách tỉnh	1.032.000.000	
- Vốn NS thành phố	8.000.000.000	

- Tình hình công nợ tính đến thời điểm thẩm tra ngày 18/12/2014:

+ Nợ phải thu: 50.308.000 đồng

+ Nợ phải trả: 1.343.078.000 đồng

- Nguồn vốn thanh toán trả nợ: từ nguồn vốn thu hồi cấp vượt cho dự án 50.308.000 đồng và Nguồn vốn ngân sách Trung ương đã bố trí kế hoạch trả nợ năm 2014 là 1.292.770.000 đồng.

*(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục 2 kèm theo)*

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
UBND thành phố Quảng Ngãi	101.169.666.301	0

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện đầy đủ các nội dung theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành số 215/BC-STC-ĐT ngày 27/12/2014 của Sở Tài chính và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và

Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak1171.



Phụ lục 1

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT TOÁN**

Dự án: Kè Chống sạt lở bờ sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ bến Tam Thương đến thôn 1 xã Nghĩa)  
(Kèm theo Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 06 / 01 /2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Giá trị dự toán (dự thầu) được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán được duyệt	Tăng(+), giảm (-) so với Chủ đầu tư trình
1	2	3	4	5	6	7
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>90.797.943.411</b>	<b>82.472.733.000</b>	<b>82.472.733.000</b>	<b>-8.325.210.411</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Gói thầu số 10</b>	<b>14.892.530.722</b>	<b>13.617.662.000</b>	<b>13.617.662.000</b>	<b>-1.274.868.722</b>	<b>0</b>
-	Khối lượng Công ty TNHH La Hà nhận thầu	7.306.265.000	6.581.943.000	6.581.943.000	-724.322.000	0
-	Khối lượng Công ty Cổ phần 20/7 nhận thầu	7.540.524.000	7.035.719.000	7.035.719.000	-504.805.000	0
-	Khối lượng tiết kiệm sau khi thực hiện	45.741.722	0	0	-45.741.722	0
<b>2</b>	<b>Gói thầu số 11</b>	<b>16.968.228.877</b>	<b>15.404.374.000</b>	<b>15.404.374.000</b>	<b>-1.563.854.877</b>	<b>0</b>
-	Khối lượng Công ty CP TNXP nhận thầu	7.913.420.000	7.758.809.000	7.758.809.000	-154.611.000	0
-	Khối lượng Công ty XD TM Trường Thành nhận thầu	3.694.281.000	3.474.012.000	3.474.012.000	-220.269.000	0
-	Khối lượng Công ty Xây dựng Thành Đạt nhận thầu	4.196.268.000	4.171.553.000	4.171.553.000	-24.715.000	0
-	Khối lượng tiết kiệm sau khi thực hiện	1.164.259.877	0	0	-1.164.259.877	0
<b>3</b>	<b>Gói thầu số 12</b>	<b>22.708.871.271</b>	<b>20.225.952.000</b>	<b>20.225.952.000</b>	<b>-2.482.919.271</b>	<b>0</b>
-	Khối lượng Công ty TNHH XD Tín Nghĩa nhận thầu	15.134.897.000	14.979.650.000	14.979.650.000	-155.247.000	0
-	Khối lượng Công ty Xây dựng Thành Phát nhận thầu	5.969.494.000	5.246.302.000	5.246.302.000	-723.192.000	0
-	Khối lượng tiết kiệm sau khi thực hiện	1.604.480.271	0	0	-1.604.480.271	0
<b>4</b>	<b>Gói thầu số 13</b>	<b>16.085.926.688</b>	<b>14.770.072.000</b>	<b>14.770.072.000</b>	<b>-1.315.854.688</b>	<b>0</b>
-	Khối lượng Công ty TNHH Thành Trung nhận thầu	7.263.851.000	7.112.732.000	7.112.732.000	-151.119.000	0
-	Khối lượng Công ty CP PTC SHT nhận thầu	7.974.578.000	7.657.340.000	7.657.340.000	-317.238.000	0
-	Khối lượng tiết kiệm sau khi thực hiện	847.497.688	0	0	-847.497.688	0
<b>5</b>	<b>Gói thầu số 14</b>	<b>20.142.385.853</b>	<b>18.454.673.000</b>	<b>18.454.673.000</b>	<b>-1.687.712.853</b>	<b>0</b>
-	Khối lượng Công ty CP 19/8 Quảng Ngãi nhận thầu	5.260.435.000	4.922.775.000	4.922.775.000	-337.660.000	0
-	Khối lượng Công ty TNHH Minh Tuấn nhận thầu	4.290.487.000	4.010.240.000	4.010.240.000	-280.247.000	0
-	Khối lượng Công ty TNHH Tiến Hùng nhận thầu	10.024.946.000	9.521.658.000	9.521.658.000	-503.288.000	0
-	Khối lượng tiết kiệm sau khi thực hiện	566.517.853	0	0	-566.517.853	0
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>1.285.033.471</b>	<b>1.285.033.000</b>	<b>1.285.033.000</b>	<b>-471</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN</b>	<b>3.571.580.690</b>	<b>3.142.605.000</b>	<b>3.142.605.000</b>	<b>-428.975.690</b>	<b>0</b>
1	Chi khảo sát, lập dự án đầu tư	550.337.000	503.670.000	503.670.000	-46.667.000	0

STT	Nội dung công việc	Giá trị dự toán (dự thầu) được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán được duyệt	Tăng(+), giảm (-) so với Chủ đầu tư trình
1	2	3	4	5	6	7
2	Chi khảo sát, lập TKBVTC và TDT	1.459.818.836	1.231.542.000	1.231.542.000	-228.276.836	0
3	Chi phí Giám sát thi công XD CT	1.258.251.857	1.190.274.000	1.190.274.000	-67.977.857	0
4	Chi phí thẩm tra TKBVTC, Dự toán, Tổng DT	154.670.625	138.469.000	138.469.000	-16.201.625	0
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	33.553.397	32.895.000	32.895.000	-658.397	0
6	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	50.330.096	45.755.000	45.755.000	-4.575.096	0
7	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của DAĐT	44.618.879	0	0	-44.618.879	0
8	Chi phí tư vấn đánh giá tác động môi trường	20.000.000	0	0	-20.000.000	0
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>2.087.496.477</b>	<b>1.176.041.000</b>	<b>1.113.839.000</b>	<b>-973.657.477</b>	<b>-62.202.000</b>
1	Chi phí bảo hiểm công trình	603.392.992	538.887.000	538.887.000	-64.505.992	0
2	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	12.465.684	10.560.000	10.560.000	-1.905.684	0
3	Chi phí thẩm định dự toán	17.466.375	17.466.000	-	-17.466.375	-17.466.000
4	Chi phí thẩm định TKBVTC	16.723.125	16.723.000	-	-16.723.125	-16.723.000
5	Chi phí thẩm định tổng dự toán điều chỉnh	3.930.789	3.930.000	3.930.000	-789	0
6	Chi phí thẩm định giá	5.500.000	5.500.000	5.500.000	0	0
7	Lệ phí bảo vệ môi trường	300.191.000	0	0	-300.191.000	0
8	Lệ phí thuế tài nguyên	39.024.830	0	0	-39.024.830	0
9	Chi phí kiểm tra chất lượng công trình	440.388.150	0	0	-440.388.150	0
10	Đo lưới địa chính, vẽ bản đồ, cắm mốc GPMB	237.897.092	212.618.000	212.618.000	-25.279.092	0
11	Chi phí thông báo mời thầu	1.000.000	0	0	-1.000.000	0
12	Chi phí thẩm định kết quả đấu thầu	10.000.000	8.610.000	8.610.000	-1.390.000	0
13	Chi phí kiểm toán	250.952.144	278.965.000	250.952.000	-144	-28.013.000
14	Chi phí thẩm tra quyết toán	148.564.296	82.782.000	82.782.000	-65.782.296	0
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ ĐÈN BÙ GPMB</b>	<b>13.773.971.838</b>	<b>13.155.456.301</b>	<b>13.155.456.301</b>	<b>-618.515.537</b>	<b>0</b>
1	Chi phí đền bù trực tiếp cho tổ chức (cá nhân)	12.897.986.301	12.897.986.301	12.897.986.301	0	0
2	Chi phí phục vụ đền bù	244.581.000	244.581.000	244.581.000	0	0
3	Chi phí thẩm định phương án bồi thường	12.889.000	12.889.000	12.889.000	0	0
4	Dự phòng chi	618.515.537	0	0	-618.515.537	0
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>164.974.113</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-164.974.113</b>	<b>0</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>111.681.000.000</b>	<b>101.231.868.301</b>	<b>101.169.666.301</b>	<b>-10.511.333.699</b>	<b>-62.202.000</b>

**Phụ lục 2**  
**BẢNG CÔNG NỢ**

Dự án: Kè chống sạt lở bờ Nam sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ bến Tam Thương đến thôn 1 xã Nghĩa Dũng)  
Quyết định số: 03 /QĐ-UBND ngày 06 / 01 /2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Số cấp cho đơn vị	Công nợ đến thời điểm thẩm tra			
			Phải thu (-)	Phải trả (+)		
1	3	4	5	6	7	
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>82.472.733.000</b>	<b>81.785.872.000</b>	<b>-50.308.000</b>	<b>737.169.000</b>	
<b>1</b>	<b>Gói thầu số 10</b>	<b>13.617.662.000</b>	<b>13.588.215.000</b>	<b>-17.948.000</b>	<b>47.395.000</b>	
-	Khối lượng Công ty TNHH La Hà nhận thầu	Công ty TNHH La Hà	6.581.943.000	6.534.548.000	0	47.395.000
-	Khối lượng Công ty Cổ phần 20/7 nhận thầu	Công ty Cổ phần 20/7	7.035.719.000	7.053.667.000	-17.948.000	0
<b>2</b>	<b>Gói thầu số 11</b>	<b>15.404.374.000</b>	<b>15.265.598.000</b>	<b>0</b>	<b>138.776.000</b>	
-	Khối lượng Công ty CP TNXP nhận thầu	Công ty CP TNXP	7.758.809.000	7.735.778.000	0	23.031.000
-	Khối lượng Công ty XDTM Trường Thành nhận thầu	Công ty XDTM Trường Thành	3.474.012.000	3.465.648.000	0	8.364.000
-	Khối lượng Công ty Xây dựng Thành Đạt nhận thầu	Công ty Xây dựng Thành Đạt	4.171.553.000	4.064.172.000	0	107.381.000
<b>3</b>	<b>Gói thầu số 12</b>	<b>20.225.952.000</b>	<b>20.228.658.000</b>	<b>-32.360.000</b>	<b>29.654.000</b>	
-	Khối lượng Công ty TNHH XD Tín Nghĩa nhận thầu	Công ty TNHH XD Tín Nghĩa	14.979.650.000	15.012.010.000	-32.360.000	0
-	Khối lượng Công ty Xây dựng Thành Phát nhận thầu	Công ty Xây dựng Thành Phát	5.246.302.000	5.216.648.000	0	29.654.000
<b>4</b>	<b>Gói thầu số 13</b>	<b>14.770.072.000</b>	<b>14.396.818.000</b>	<b>-</b>	<b>373.254.000</b>	
-	Khối lượng Công ty TNHH Thành Trung nhận thầu	Công ty TNHH Thành Trung	7.112.732.000	7.110.299.000	0	2.433.000
-	Khối lượng Công ty CP PTCSTH nhận thầu	Công ty CP PTCSTH Q.Ngãi	7.657.340.000	7.286.519.000	0	370.821.000
<b>5</b>	<b>Gói thầu số 14</b>	<b>18.454.673.000</b>	<b>18.306.583.000</b>	<b>0</b>	<b>148.090.000</b>	
-	Khối lượng Công ty CP 19/8 Quảng Ngãi nhận thầu	Công ty CP 19/8 Quảng Ngãi	4.922.775.000	4.845.910.000	0	76.865.000
-	Khối lượng Công ty TNHH Minh Tuấn nhận thầu	Công ty TNHH Minh Tuấn	4.010.240.000	3.940.554.000	0	69.686.000
-	Khối lượng Công ty TNHH Tiến Hùng nhận thầu	Công ty TNHH Tiến Hùng	9.521.658.000	9.520.119.000	0	1.539.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	BQLDA DDTXDCT Kè chống sạt lở bờ Nam Sông Trà Khúc	<b>1.285.033.000</b>	<b>1.285.033.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN</b>		<b>3.142.605.000</b>	<b>2.870.430.000</b>	<b>-</b>	<b>272.175.000</b>
1	Chi khảo sát, lập dự án đầu tư	Công ty TVXD Trung Long	503.670.000	453.300.000	0	50.370.000
2	Chi khảo sát, lập TKBVTC và TDT	Công ty TVXD Trung Long	1.231.542.000	1.117.691.000	0	113.851.000
3	Chi phí Giám sát thi công XD CT	Công ty CP TVXD ĐT Quảng Ngãi	1.190.274.000	1.082.320.000	0	107.954.000
4	Chi phí thẩm tra TKBVTC, Dự toán, Tổng DT	Công ty CPTVXD Thủy Lợi 3	138.469.000	138.469.000	0	0
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	Công ty TNHH Hoàng Long	32.895.000	32.895.000	0	0
6	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	BQLDA (tổ chuyên gia xét thầu)	45.755.000	45.755.000	0	0
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>1.113.839.000</b>	<b>780.105.000</b>	<b>-</b>	<b>333.734.000</b>

STT	Nội dung	Đơn vị		Số cấp cho đơn vị	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5	6	7
1	Chi phí bảo hiểm công trình	Công ty Bảo Việt Quảng Ngãi	538.887.000	538.887.000	0	0
2	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	Sở Kế hoạch Đầu tư QN	10.560.000	10.560.000	0	0
3	Chi phí thẩm định tổng dự toán điều chỉnh	Phòng TC - KH thành phố	3.930.000	3.930.000	0	0
4	Chi phí thẩm định giá	MN	5.500.000	5.500.000	0	0
5	Đo lưới địa chính, vẽ bản đồ, cắm mốc GPMB	Cty TNHH ứng dụng DV trắc địa	212.618.000	212.618.000	0	0
6	Chi phí thẩm định kết quả đấu thầu	Phòng TC - KH thành phố	8.610.000	8.610.000	0	0
7	Chi phí kiểm toán độc lập	Công ty TNHH Kiểm toán Hùng	250.952.000	0	0	250.952.000
8	Chi phí thẩm tra quyết toán	Sở Tài chính Quảng Ngãi	82.782.000	0	0	82.782.000
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ ĐỀN BÙ GPMB</b>		<b>13.155.456.301</b>	<b>13.155.456.301</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Chi phí đền bù trực tiếp	Tổ chức (cá nhân)	12.897.986.301	12.897.986.301	0	0
2	Chi phí phục vụ đền bù	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành	244.581.000	244.581.000	0	0
3	Chi phí thẩm định phương án bồi thường	Trung tâm phát triển Quỹ đất thành	12.889.000	12.889.000	0	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>101.169.666.301</b>	<b>99.876.896.301</b>	<b>-50.308.000</b>	<b>1.343.078.000</b>